

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN S - TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2023/HSST

Ngày: 07/3/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phước Hòa.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Đồi.

2. Ông Đoàn Văn Đức.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Trà - Cán bộ Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đào Đức Hữu - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Ủy ban nhân dân phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 02/2023/TLST - HS ngày 09 tháng 01 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo: Trần Thị H. Tên gọi khác: không; sinh ngày: 16.5.1989; tại thành phố Đ. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 40 phường Mân Thái, quận S, thành phố Đà Nẵng; Chỗ ở: tổ 30 phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không. Cha: Trần Văn Đ và mẹ: Võ Thị O; gia đình có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ 4 trong gia đình; có chồng (đã ly hôn), có 02 con (con lớn sinh năm 2008,

con nhỏ sinh năm 2010); tiền án, tiền sự: chưa; nhân thân: ngày 02.8.2018, bị công an **quận H** xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Bị cáo bị bắt ngày 17/8/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an **thành phố Đ**, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo: Nguyễn Tuấn K. Tên gọi khác: T, sinh ngày: 26.01.1979; tại thành phố Đ. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: 168 N, tổ 12 phường T, quận S , thành phố Đà Nẵng . Nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không. Cha: Nguyễn Tấn N (đã chết) và mẹ: Nguyễn Thị C; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; có vợ là: Nguyễn Thị Ngọc Q (sinh năm: 1990, đã ly hôn) và 02 con (con lớn sinh năm: 2011, con nhỏ sinh năm: 2013); tiền án, tiền sự: chưa. Nhân thân: Ngày 16.7.1997 bị Tòa án nhân dân thành phố Đ xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Trộm cắp tài sản XHCN*”, thời gian thử thách 03 năm, theo bản án số 114/HSST của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng); Ngày 30.9.2008 bị Tòa án nhân dân quận S , thành phố Đà Nẵng xử phạt 21 tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo bản án số 45/HSST (đều đã chấp hình phạt và đã thi hành xong phần án phí). Bị cáo bị bắt phạm tội quả tang ngày 17/8/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Nguyễn Văn T (T), sinh năm: 1983; nơi thường trú: K27/3 Nguyễn Thông, tổ 7, phường An Hải Tây, quận S , thành phố Đ. Chỗ ở: tổ 30 dân phường T, quận S , thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- Anh Nguyễn Ngọc K hánh, sinh năm: 1985, trú tại: tổ 4 phường Tam Thuận, quận Thanh K hê, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

** Người chứng kiến:*

- Ông Lưu Quốc T, sinh năm: 1989; nơi cư trú: tổ 26 phường A, quận S , thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Văn C; nơi cư trú: tổ 31 phường A, quận S , thành phố Đà Nẵng (văng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 17 giờ 30 phút, ngày 17/08/2022, tại trước nhà số 59 đường P (tổ 61, phường A, quận S , thành phố Đ) cơ quan CSĐT Công an TP. Đà Nẵng phát hiện 01 đối tượng có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra. Đối tượng khai tên Nguyễn Tuấn K, tiến hành kiểm tra trong túi quần phía trước bên phải của K phát hiện: 01 gói ni lông màu trắng KT (08x04) cm bên trong có 08 viên nén màu cam, 01 gói ni lông KT (04x04) cm bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng, K khai đó là ma túy thuốc lắc và Ketamine, K mua về sử dụng. Cơ quan CSĐT Công an TP. Đà Nẵng tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Tuấn K.

*** Tang vật thu giữ của Nguyễn Tuấn K:**

- 01 gói ni lông màu trắng KT (08 x 04) cm, bên trong có 08 viên nén màu cam; 01 gói ni lông KT (04 x 04) cm bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng và 01 gói ni lông KT (02 x 03) cm bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng (đã niêm phong và ký hiệu A).

- 01 điện thoại di động hiệu Realme màu xanh, sim số: 0905481552, số Imel1: 862386040512170, Imel2: 862386040612162.

Tại bản kết luận giám định số: 174/KLMT-KTHS, ngày 24/08/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đ, kết luận:

Chia mẫu A thành mẫu A1: là tinh thể rắn màu trắng trong 02 gói ni lông KT (04x04) cm và (02x03) cm. Mẫu A2 là 08 viên nén màu cam.

+ Mẫu tinh thể rắn màu trắng gửi giám định ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy, loại Ketamin, khối lượng mẫu A1: 1,053 gam.

+ Mẫu viên nén màu cam nhạt gửi giám định ký hiệu A2 là ma túy, loại MDMA; khối lượng mẫu A2: 3,893 gam.

Ngày 17/08/2022, Cơ quan CSĐT Công an TP. Đà Nẵng tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Thị H tại tổ 30, phường T, quận S, thành phố Đ. Qua khám xét phát hiện và tạm giữ của Trần Thị H.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen, số IMEI: 355001769519231/01, sim số: 0905792741.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số IMEI: 350391254441727, sim số: 0708146214.

- 35.000.000 đồng.

- 01 cân điện tử màu trắng đỏ hiệu Manlloro.

- 20 bao ni lông chưa qua sử dụng, KT (07x04).

Qua điều tra xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 12/08/2022 đến ngày 17/08/2022, Trần Thị H có hành vi mua trái phép chất ma túy là 15 viên thuốc lắc và khoảng 05 gam ma túy ketamine với tổng số tiền là 10.500.000 đồng của đối tượng tên M (chưa rõ nhân thân, lai lịch) tại khu vực gần chùa Bồ Đề, thành phố Đ, sau đó về bán lại nhiều lần để kiếm lời, cụ thể:

Lần 1: Do có nhu cầu sử dụng trái phép chất ma túy, nên chiều ngày 12/08/2022, K sử dụng số điện thoại 0905481552 gọi vào số điện thoại 0708146214 của H hỏi mua 02 viên thuốc lắc, 01 gói a túy ketamine thì H đồng ý bán với giá 2.500.000 đồng và hẹn giao ma túy tại khu vực phía sau quán Karaoke B (quận S, thành phố Đ). Sau khi mua được ma túy, K đã sử dụng hết, còn tiền có được từ việc mua bán ma túy, H đã tiêu xài cá nhân số tiền trên.

Lần 2: Vào chiều 16/08/2022, có 01 đối tượng (chưa rõ lai lịch) gọi vào điện thoại 0708146214 của H hỏi mua 05 viên thuốc lắc và 01 gói ma túy ketamine thì H đồng ý bán với giá 5.440.000 đồng và hẹn đến khu vực đường P để giao bán ma túy. Sau khi bán được ma túy, H đã tiêu xài hết số tiền trên.

Lần 3: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 17/08/2022, K sử dụng số điện thoại 0905481552 gọi vào số điện thoại 0708146214 của H để hỏi mua 08 viên thuốc lắc, 01 gói (khoảng 2,5 gam) ma túy ketamin, H đồng ý bán với giá 5.760.000 đồng và hẹn giao ma túy tại khu vực phía sau quán Karaoke B (quận S , thành phố Đ). Tiếp đó, K nói H cho số tài khoản để chuyển trước 4.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ trả sau. H đồng ý gửi số tài khoản cho K, K nhờ Nguyễn Ngọc K chuyển vào tài khoản ngân hàng của H số tiền 4.000.000 đồng. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, H nhờ bạn trai tên Nguyễn Văn T chở đến điểm hẹn để giao ma túy cho K. Sau khi giao ma túy xong, Tài chở H về tại phòng trọ, còn K đi về. Khi K đi đến khu vực trước nhà số 59 đường P (tổ 61, phường A, quận S , thành phố Đ) thì bị Công an thành phố Đ phát hiện bắt quả tang cùng tang vật như đã nêu trên.

Mục đích Nguyễn Tuấn K mua ma túy để sử dụng.

Mục đích mua bán ma túy của H là để kiếm lời.

Tại Cáo trạng số 03/CT - VKS - ST ngày 06/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận S, bị cáo Trần Thị H bị truy tố về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 điều 251 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Tuấn K bị truy tố về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm i khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S , thành phố Đ thực hành quyền công tố luận tội và cho rằng tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau và các tài liệu, chứng cứ khác được cơ quan điều tra thu thập trong hồ sơ vụ án; do đó hành vi của bị cáo Trần Thị H đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự; hành vi tàng trữ 1,053 gam ma túy loại Ketamine và 3,893 gam ma túy loại MDMA để sử dụng, không nhằm mục đích mua bán của bị cáo Nguyễn Tuấn K đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Do đó, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị HĐXX:

- Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt: bị cáo Trần Thị H từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 17/8/2022.

Đề nghị phạt bổ sung bị cáo Trần Thị H số tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Biện pháp tư pháp: Buộc Trần Thị H nộp lại số tiền 11.940.000 đồng tiền bán ma túy để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Tuấn K từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Thời gian chấp hành hình phạt kể từ ngày bắt phạm tội quả tang (17/8/2022).

Do không xác định được thu nhập và tài sản riêng của bị cáo Nguyễn Tuấn K nên đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Tuấn K.

- Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Tuấn K và Nguyễn Văn T, ngày 24/8/2022, phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an TP. Đà Nẵng đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ.

- Đối với Nguyễn Văn T là người đã chở Trần Thị H đi bán ma túy cho bị cáo K. Tuy nhiên, Nguyễn Văn T không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của Trần Thị H. Do đó, Cơ quan CSĐT công an quận S không đề cập xử lý là phù hợp.

- Đối với anh Nguyễn Ngọc K là người đã giúp Nguyễn Tuấn K chuyển số tiền 4.000.000 đồng mua ma túy cho Trần Thị H nhưng anh K không biết tiền đó là để mua ma túy. Do đó, cơ quan CSĐT Công an quận S không đề cập xử lý là phù hợp.

- Đối với đối tượng tên “M” (chưa rõ lai lịch) là người đã bán ma túy cho Trần Thị H, CQCSĐT Công an quận S tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ và xử lý sau là phù hợp.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự;

+ Tịch thu, tiêu hủy: 01 bì thư đã niêm phong chứa mẫu hoàn trả sau giám định (kèm theo kết luận giám định số 174 ngày 24/8/2022 của Phòng Kỹ Thuật hình sự công an TP.Đ) bên trong có chứa 0,939 gam mẫu A1; 3,382 gam mẫu A2 còn lại sau giám định và toàn bộ vỏ bao gói mẫu là vật cấm tàng trữ; lưu hành;

+ Tịch thu, tiêu hủy 01 cân điện tử màu trắng đỏ hiệu Manlloro và 20 gói ni lông màu trắng kích thước (07x04) cm hiện không còn giá trị sử dụng;

+ Tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước: 01 ĐTDĐ hiệu Realme màu xanh, sim số: 0905481552, số Imel 1: 862386040512170, Imel 2: 862386040612162 thu giữ của Nguyễn Tuấn K và 01 ĐTDĐ hiệu Nokia màu đen, số Imel: 350391254441727, sim số: 0708146214 thu giữ của Trần Thị H, là phương tiện Nguyễn Tuấn K, Trần Thị H dùng liên lạc với nhau để mua bán trái phép chất ma túy.

- Đối với 01 ĐTDĐ hiệu Samsung màu đen, số Imel: 355001769519231/01, sim số: 0905792741 và số tiền 35.000.000 là tài sản của Trần Thị H không liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy nên trả lại cho Trần Thị H. Tuy nhiên, cần tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án.

(Các vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, biên bản giao nhận vật chứng ngày 02.02.2023).

Tại phiên tòa các bị cáo trình bày lời nói sau cùng, các bị cáo đều đã nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau và các chứng cứ, tài liệu khác mà cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Để có tiền tiêu xài cho bản thân nên trong khoảng thời gian từ ngày 12/8/2022 đến ngày 17/8/2022, tại khu vực đường P (phường A, quận S, TP. Đà Nẵng), Trần Thị H đã có hành vi mua bán trái phép 15 viên ma túy thuốc lắc và khoảng 05 gam ma túy ketamine của đối tượng M (chưa rõ lai lịch), sau đó 02 lần bán lại cho Nguyễn Tuấn K. Trong đó, lần 01 vào ngày 12/8/2022, H bán cho K 02 viên ma túy thuốc lắc, 01 gói ma túy ketamine với giá tiền 2.500.000 đồng; lần 02 vào ngày 17/8/2022, H bán cho K 05 viên ma túy thuốc lắc và 01 gói ma túy ketamine với giá tiền 5.760.000 đồng. Ngoài ra, trước đó còn 01 lần H bán ma túy cho một đối tượng (chưa rõ lai lịch) 05 viên thuốc lắc, 01 gói ma túy ketamine với giá 5.440.000 đồng.

[2.1] Xét thấy, bị cáo Trần Thị H là người trên 18 tuổi, nhận thức rõ hành vi mua bán trái phép chất ma túy bị pháp luật cấm, thấy trước được tác hại của hành vi này nhưng bị cáo vẫn cố ý mua bán trái phép chất ma túy, cụ thể là 02 lần bán ma

túy cho bị cáo K, 01 lần bán ma túy cho một thanh niên nhưng không rõ nhân thân, lai lịch như bị cáo thừa nhận. Hành vi của bị cáo Trần Thị H đã trực tiếp xâm hại đến chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước về ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến sự phát triển giống nòi, làm mất ổn định tình hình trật tự xã hội tại địa phương nên đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự như quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân quận S đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị Công an quận H, thành phố Đ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 02.8.2018. Do đó, cần phải xét xử bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử thấy cần xem xét áp dụng cho bị cáo khi lượng hình.

Do bị cáo có tài sản riêng nên đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo bằng hình thức phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng là phù hợp.

Ngoài ra, HĐXX thấy cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS buộc bị cáo Trần Thị H nộp lại số tiền 11.940.000 đồng tiền bán ma túy (là tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

[2.2] Đối với bị cáo Nguyễn Tuấn K tàng trữ ma túy loại Ketamin khối lượng 1,053 gam và ma túy loại MDMA khối lượng 3,893 gam, tổng khối lượng là 4,946 gam tương đương với khối lượng chất ma túy quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS để sử dụng, không nhằm mục đích mua bán, đã đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự. Bị cáo Nguyễn Tuấn K là người trên 18 tuổi, nhận thức rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm, thấy trước được tác hại của hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, hành vi của bị cáo đã trực

tiếp xâm hại đến chế độ quản lý của Nhà nước về việc cất giữ, vận chuyển, trao đổi chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội. Do đó, bị cáo đã phạm vào tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận S truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bản thân bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 16.7.1997 bị Tòa án nhân dân thành phố Đ xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Trộm cắp tài sản XHCN*”, thời gian thử thách 36 tháng, theo bản án số 114/HSST của Tòa án nhân dân thành phố Đ; ngày 30.9.2008 bị Tòa án nhân dân quận S , thành phố Đ xử phạt 21 tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo bản án số 45/HSST (đều đã chấp xong hình phạt và thi hành xong phần án phí). Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần phải xét xử bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai báo thành khẩn, rõ ràng, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử thấy cần xem xét áp dụng cho bị cáo khi lượng hình. Ngoài ra, trong quá trình điều tra bị cáo đã tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra, khai ra bị cáo H là người đã bán ma túy cho mình nên cũng cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Tuấn K.

Do không xác định được tài sản riêng của bị cáo nên đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[2.3] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Tuấn K và Nguyễn Văn T, ngày 24/8/2022, phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an TP. Đà Nẵng đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ.

[2.4] Đối với Nguyễn Văn T là người đã chở Trần Thị H đi bán ma túy cho bị cáo K. Tuy nhiên, Nguyễn Văn T không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của Trần Thị H. Do đó, Cơ quan CSĐT công an quận S, Viện kiểm sát nhân dân quận S không đề cập xử lý là phù hợp.

[2.5] Đối với anh Nguyễn Ngọc K là người đã giúp Nguyễn Tuấn K chuyển số tiền 4.000.000 đồng mua ma túy cho Trần Thị H nhưng anh K không biết tiền đó là để mua ma túy. Do đó, cơ quan CSĐT Công an quận S, Viện kiểm sát nhân dân quận S không đề cập xử lý là phù hợp.

[2.6] Đối với đối tượng tên “M” (chưa rõ lai lịch) là người đã bán ma túy cho Trần Thị H, Cơ quan CSĐT Công an quận S tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ và xử lý sau là phù hợp.

[3] Về xử lý vật chứng:

+ Đối với 01 bì thư đã niêm phong chứa mẫu hoàn trả sau giám định (kèm theo kết luận giám định số 174 ngày 24/8/2022 của Phòng Kỹ Thuật hình sự công an TP.Đ) bên trong có chứa 0,939 gam mẫu A1; 3,382 gam mẫu A2 còn lại sau giám định và toàn bộ vỏ bao gói mẫu là vật cấm tàng trữ, lưu hành nên cần áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự tịch thu, tiêu hủy.

+ Đối với 01 cân điện tử màu trắng đỏ hiệu Manlloro và 20 gói ni lông màu trắng kích thước (07x04) cm, H khai là của M gửi, chưa xác định được nhân thân lai lịch của M nhưng hiện không còn giá trị sử dụng nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu, tiêu hủy;

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Realme màu xanh, sim số: 0905481552, số Imel 1: 862386040512170, Imel 2: 862386040612162 (seri sim 3312-5801) thu giữ của Nguyễn Tuấn K và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Imel: 350391254441727, sim số: 0708146214 (seri sim 3348-2852) thu giữ của Trần Thị H, là phương tiện Nguyễn Tuấn K, Trần Thị H dùng liên lạc với nhau để mua bán

trái phép chất ma túy nên cần áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước.

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen, số Imel: 355001769519231/01, sim số: 0905792741 (seri sim 0781-WD) và số tiền 35.000.000 đồng là tài sản cá nhân của Trần Thị H, không liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy, tuy nhiên cần phải tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Các vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, biên bản giao nhận vật chứng ngày 02.02.2023).

[4] Án phí hình sự sơ thẩm: các bị cáo Trần Thị H và Nguyễn Tuấn K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo Trần Thị H phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; bị cáo Nguyễn Tuấn K phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

1. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm a khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: bị cáo Trần Thị H 08 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Thời gian chấp hành hình phạt kể từ ngày 17/8/2022.

+ Hình phạt bổ sung: phạt bổ sung bị cáo Trần Thị H số tiền 30.000.000 đồng.

+ Biện pháp tư pháp: buộc bị cáo Trần Thị H nộp lại số tiền 11.940.000 đồng tiền bán ma túy (là tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

2. Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Tuấn K 24 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt phạm tội quả tang (ngày 17/8/2022).

3. Về xử lý vật chứng:

+ Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự tịch thu, tiêu hủy 01 bì thư đã niêm phong chứa mẫu hoàn trả sau giám định (kèm theo kết luận giám định số 174 ngày 24/8/2022 của Phòng Kỹ Thuật hình sự công an TP.Đ) bên trong có chứa 0,939 gam mẫu A1; 3,382 gam mẫu A2 còn lại sau giám định và toàn bộ vỏ bao gói mẫu;

+ Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu, tiêu hủy: 01 cân điện tử màu trắng đỏ hiệu Manlloro và 20 gói ni lông màu trắng kích thước (07x04) cm;

+ Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước: 01 ĐTDĐ hiệu Realme màu xanh, sim số: 0905481552, số Imel 1: 862386040512170, Imel 2: 862386040612162 (seri sim 3312-5801) thu giữ của Nguyễn Tuấn K và 01 ĐTDĐ hiệu Nokia màu đen, số Imel: 350391254441727, sim số: 0708146214 (seri sim 3348-2852) thu giữ của Trần Thị H;

+ Tiếp tục tạm giữ 01 ĐTDĐ hiệu Samsung màu đen, số Imel: 355001769519231/01, sim số: 0905792741 (seri sim 0781-WD) và số tiền 35.000.000 đồng thu của Trần Thị H để đảm bảo thi hành án.

(Các vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, biên bản giao nhận vật chứng ngày 02.02.2023).

3. Về án phí: các bị cáo Trần Thị H và Nguyễn Tuấn K mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Các bị cáo Trần Thị H và Nguyễn Tuấn K, anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Ngọc K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân quận S;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận S;
- Công an quận S;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Phước Hòa

